

Bản án số: 308/2020/HS-PT
Ngày: 19-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng;

Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 177/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Văn H, do có kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H và người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2020/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Bùi Văn H, tên gọi khác: không, sinh năm 1985, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn X, sinh năm 1950 và bà Lê Thị T, sinh năm 1929 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; có 02 con sinh năm 2006 và năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2018 – có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Thanh D – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư V, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng – có mặt.

- Bị hại: bà Kiều Thị L, sinh năm 1978.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai – Bà L và ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Đặng Bửu T1, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Định Quán – có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai - có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Bùi Văn P, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn P: ông Nguyễn Thanh D – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư V, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng – có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 02/9/2018, Bùi Văn H điều khiển xe mô tô chở ông Bùi Văn P về nhà. Khi đi ngang qua nhà ông T tại Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì giữa ông P và ông T xảy ra mâu thuẫn từ việc hai bên nhìn nhau. Ông T và ông P cự cãi qua lại rồi dẫn tới xô xát đánh nhau. Ông P nhặt 01 đoạn cây điều dài 65 cm trong sân, ông T liền chạy vào nhà lấy con dao dài cả cán 30,6 cm (lưỡi dài 18,6 cm, rộng 3,5 cm) quay trở ra đánh nhau với P. Thấy vậy, bà Kiều Thị L từ trong nhà chạy ra cầm theo cây gỗ vuông dài khoảng 70cm đánh vào phía sau đầu của P, còn H nhặt đoạn cây điều dài 78 cm đánh 01 cái vào phần đầu phía sau của bà L. Bà L bị đánh nên choáng váng, ngã xuống nền nhà bất tỉnh. Liên đó, ông T cầm dao xông tới đánh H thì bị H dùng cây đánh rút dao rồi bỏ chạy ra đường. Tiếp đó, ông T đuổi theo thì bị H dùng cây đánh 01 cái vào chân. Sau đó, H và P bỏ về nhà, bà L được ông T cùng gia đình đưa đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0753/TgT/2018 ngày 05/10/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Di chứng chấn thương sọ não gây sa sút trí tuệ mức độ nặng, suy nhược thần kinh. Tỷ lệ: 61%.

- Tổn thương dập não thái dương phải kích thước 2,2 x 2,6 cm. Tỷ lệ: 36%.

- Tổn thương tụ máu dưới màng cứng đã phẫu thuật lấy máu tụ kết quả tốt. Tỷ lệ: 21%.

- Tổn thương khuyết sọ bán cầu phải kích thước 07 x 10 cm đáy mềm. Tỷ lệ: 31%.

- Tổn thương nứt sọ thái dương phải kích thước 2,5 cm, điện não đồ có hội chứng suy nhược. Tỷ lệ: 08%.

- Di chứng chấn thương sọ não gây yếu tay phải giảm sức cơ tay phải 3/5. Tỷ lệ: 36%.

- Di chứng chấn thương sọ não gây yếu chân trái giảm sức cơ chân trái 3/5 bệnh nhân chưa đi lại được. Tỷ lệ: 36%.

- Sẹo vùng đỉnh giữa kích thước 1,5 x 0,2 cm và sẹo vùng cằm giữa kích thước 2,5 x 0,2 cm. Tỷ lệ: 02%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 95%.

3. Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật tày”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 0136/GĐHS/2019 ngày 21/02/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận theo yêu cầu giám định.

“Vết thương vùng đỉnh giữa kích thước 1,5 x 0,2 cm, bờ mép nhám nhỏ. Sưng nề thái dương phải. Nứt sọ thái dương phải kích thước 2,5 cm. Tổn thương não cũ vùng thái dương phải kích thước 2,2 cm x 2,6 cm. Gãy thành xoang hàm phải. Gãy cung tiếp phải. Gãy thành hốc mắt phải. Để lại di chứng, yếu tay phải 3/5, yếu chân trái 3/5, hội chứng suy nhược. Test tâm lý: Dương sự không xác định được không gian, thời gian, các nhận thức đều giảm sút rõ rệt. Tổn thương này do vật tày tác động trực tiếp với lực rất mạnh gây nên.

Vết thương vùng cằm giữa kích thước 2,5 x 0,2 cm, bờ mép nhám nhỏ. Tổn thương này do vật tày tác động trực tiếp với lực rất nhẹ gây nên.

Thương tích của nạn nhân Kiều Thị L do vật tày tác động trực tiếp gây ra, không phải do cơ chế ngã đụng dội.

Đối với ông Nguyễn Văn T, tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0076/TgT/2019 ngày 24/01/2019 của Trung tâm Pháp y Đồng Nai, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02%. Vật gây thương tích: vật tày.”

Đối với ông Bùi Văn P, tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0015/TgT/2019 ngày 09/01/2019 của Trung tâm Pháp y Đồng Nai, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%. Vật gây thương tích: Chấn thương đầu do vật tày, thương tích bụng do vật sắc.”

- Vật chứng của vụ án gồm: 01 khúc cây gỗ điều dài 65 cm, dày 12,5 x 10 cm; 01 khúc cây gỗ điều dài 78 cm, dày 06 x 03 cm; 01 cán dao màu đen dài 12 cm, dày 03 x 02 cm; 01 lưỡi dao bằng kim loại, lưỡi sắt nhọn dài 18,6 cm, bản rộng 3,5 cm hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú lưu giữ. 01 khúc cây gỗ vuông dài khoảng 70cm Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Kiều Thị L yêu cầu bồi thường thiệt hại theo đơn yêu cầu đề ngày 14/02/2019 gồm: Tiền thuê phương tiện đi lại, tiền thuốc, tiền mua các thiết bị y tế, tiền khám bệnh, viện phí, tiền thuê trọ, số tiền được giảm do mua bảo hiểm y tế, khoản tiền thu nhập thực tế bị mất trong 108 tháng của bị hại Lai, tiền chi ăn uống cho nhưng người chăm sóc, tiền công chăm sóc cho cháu Nguyễn Phương D1 là con của bị hại cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi và khoản tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần với tổng số tiền 956.392.071đ và thiệt hại phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo Bùi Văn H và gia đình đã nộp số tiền 120.000.000đ để bồi thường thiệt hại.

+ Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường số tiền 1.805.419đ. Ông Bùi Văn P có đơn không yêu cầu khởi tố và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số: 85/CT-VKSTP-ĐN ngày 02/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Bùi Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2020/HS-ST ngày 21-4-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 468, 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuyên bố Bùi Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích” và xử phạt bị cáo 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2018.

Về dân sự, bản án tuyên chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm của bà Kiều Thị i. Buộc bị cáo Bùi Văn H phải bồi thường các khoản thiệt hại cho bà L với số tiền tổng cộng là 400.629.000đ, trừ số tiền 120.000.000đ do gia đình bị cáo H nộp để đảm bảo thi hành án dân sự, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà L số tiền là 280.629.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ do chậm trả và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/4/2020, bị cáo Bùi Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/5/2020, ông Nguyễn Văn T với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị hại Kiều Thị L và người đại diện hợp pháp của bị hại là Nguyễn Văn T không tham phiên tòa, tại đơn xin xét xử vắng mặt xác định vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và mức bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn P cho rằng việc làm đơn không yêu cầu khởi tố hành vi cố ý gây thương tích của bà Kiều Thị L và ông Nguyễn Văn T là do nghe theo lời của cán bộ điều tra nhằm để giảm trách nhiệm hình sự cho anh là bị cáo H, nay ông muốn khởi tố hành vi của bà Lai và ông T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

+ Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo mức án 11 năm là phù hợp, không nặng như kháng cáo của bị cáo và không nhẹ như người đại diện hợp pháp của bị hại nêu. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại về hình phạt. Về dân sự, đại diện hợp pháp của bị hại không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường dân sự.

+ Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn P về việc khởi tố hành vi cố ý gây thương tích của bà Kiều Thị L và ông Nguyễn Văn T: tại giai đoạn điều tra ông P tự nguyện, không bị ép buộc phải làm đơn không yêu cầu khởi tố, nay muốn yêu cầu thì liên hệ Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú để thực hiện.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: chưa làm rõ thương tích ở đầu bị hại là do bị cáo trực tiếp gây ra hay do ngã đụng đập, bị cáo có đơn yêu cầu trưng cầu giám định lại, không thực hiện nhưng không thông báo lý do; Kết luận điều tra xác định bà L dùng một khúc cây gỗ điều để đánh ông P nhưng Cáo trạng lại viện dẫn là bà Lai cầm cây gỗ vuông; cấp sơ thẩm xác định tiền công trung bình tại địa phương để tính bồi thường thu nhập bị mất là cao so với thực tế; buộc bồi thường tổn thất tinh thần 50 tháng lương tối thiểu là chưa phù hợp; bản án sơ thẩm không nhắc đến việc bị hại cũng có lỗi một phần, gia đình bị cáo giao nộp tiền để bồi thường nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: đồng ý với tội danh “ Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo cực án 11 năm tù là phù hợp. Bị cáo tuy thừa nhận tội nhưng chưa thật sự thành khẩn khai báo, đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về bồi thường dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường tiếp khoản thu nhập bị mất kể từ thời điểm sau ngày xét xử sơ thẩm đến thời điểm xét xử phúc thẩm cho bị hại là 21.600.000đ, cho người đại diện hợp pháp của bị hại là 30.000.000đ, tổng cộng 51.600.000đ.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn P: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đề nghị của ông P về việc khởi tố hành vi cố ý gây thương tích của bà Kiều Thị L và ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Diễn biến tại các phiên tòa sơ thẩm và tại biên bản xác minh ngày 05/3/2020 nhận thấy bị hại bà Kiều Thị có biểu hiện nhận thức không bình thường. Cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng như trả hồ sơ để điều tra bổ sung cũng như trực tiếp trưng cầu giám định năng lực hành vi dân sự của bị hại nhưng gia đình của bị hại không đồng ý hợp tác nên ban hành thông báo về việc cử người đại diện theo pháp luật cho bị hại là ông Nguyễn Văn T (chồng bà L) để bảo đảm quyền tranh tụng tại phiên tòa là phù hợp.

[1.2] Bị cáo Bùi Văn H và người đại diện cho bị hại Kiều Thị L là ông Nguyễn Văn T gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà L và ông T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: vào khoảng 14 giờ ngày 02/9/2018, tại nhà ông Nguyễn Văn T tại ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giữa ông T và em của bị cáo Bùi Văn H là ông Bùi Văn P xảy ra mâu thuẫn từ việc hai bên nhìn nhau. Ông T và ông P cự cãi qua lại rồi dẫn tới xô xát đánh nhau. Thấy vợ ông T là bà Kiều Thị L từ trong nhà chạy ra cầm theo cây gỗ vuông dài khoảng 70cm đánh ông P nên bị cáo H đã có hành vi dùng 01 đoạn cây gỗ điều dài 78 cm (là hung khí nguy hiểm) đánh một cái vào phía sau đầu bà L, làm bà L bị choáng, ngã xuống nền nhà bất tỉnh. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 0753/TgT/2018 ngày 05/10/2018 và luận giám định pháp y trên hồ sơ số 0136/GĐHS/2019 ngày 21/02/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận thương tích của bà Lai do vật tày tác động trực tiếp gây ra, không phải do cơ chế ngã đụng dội, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 95%, được giám định viên viện dẫn, giải thích có căn cứ tại phiên tòa. Do vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo nhận thấy:

[3.1] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại với số tiền 120.000.000đ; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, cha của bị cáo là người có công với nước được tặng huy chương chiến sỹ giải phóng để xử phạt bị cáo mức án 11 năm tù là tương xứng với hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này, cấp sơ thẩm chỉ áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 mà không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào khác; đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo yêu cầu không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo là không phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại đề ngày 14/02/2019, tài liệu chứng cứ chứng minh và trình bày tại của ông T là người đại diện của bị hại tại phiên tòa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết buộc bị cáo phải bồi thường như sau:

- Chi phí điều trị thực tế có hóa đơn, chứng từ là 24.269.141đ; tiền xe đi điều trị, giám định và tái khám tổng cộng là 20.670.000đ. Chi phí hợp lý dù không có hóa đơn, chứng từ như tiền thuê nhà trọ để tắm giặt của người chăm sóc cho bị hại là 1.500.000đ, tiền mua xe lăn là 3.500.000đ, tiền mua nệm hơi là 2.500.000đ, tiền mua gối nệm thấm là 2.400.000đ, tiền mua sữa trong 162 ngày, mỗi ngày 02 chai sữa Ensure với giá 45.000đ/chai là 14.580.000đ. Thu nhập

thực tế bị mất của bà L đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 180.000đ/01 ngày x 597 ngày (từ ngày 02/9/2018 đến ngày 21/4/2020) = 107.460.000đ.

- Về thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại là ông Nguyễn Văn T (chồng bà L): ông T khai có nghề làm đá thu nhập trung bình mỗi ngày là 300.000đ nhưng công việc không ổn định, có ngày có việc làm, có ngày không nên thu nhập không ổn định. Cấp sơ thẩm tính theo mức tiền công trung bình tại địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú là 250.000đ/ngày x 597 ngày (từ 02/9/2018 đến ngày 21/4/2020) = 149.250.000đ. Về khoản tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần bà L yêu cầu số tiền là 100.000.000đ, cấp sơ thẩm chấp nhận là 1.490.000đ x 50 tháng = 74.500.000đ.

- Đối với các chi phí khám, chữa bệnh nội trú với số tiền là 37.641.259đ đã được Bảo hiểm y tế thanh toán; yêu cầu bồi thường tiền ăn và ngày công cho người chăm sóc L là ông Kiều Văn Đ, về nguyên tắc chỉ tính cho một người chăm sóc là ông T nêu trên; tiền chăm sóc cho con của bà L là cháu Nguyễn Phương D1, sinh năm 2005 cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi là không phù hợp nên cấp sơ thẩm không chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường do mất sức lao động, do bà L hiện vẫn phải điều trị thương tích, chưa có kết luận của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xác định bà L bị mất hoàn toàn khả năng lao động do bị tâm thần nặng, bị mất khả năng lao động hoặc bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên nên chưa đủ căn cứ để xem xét, cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Tổng cộng các khoản tiền bà L được chấp nhận là 400.629.141đ, làm tròn là 400.629.000đ, khấu trừ số tiền 120.000.000đ do gia đình bị cáo nguyện nộp để khắc phục hậu quả, bị cáo H phải tiếp tục bồi thường cho bà Lai số tiền là 280.629.000đ. Như vậy, yêu cầu bồi thường đã được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị bị cáo bồi thường tiếp khoản thu nhập bị mất kể thời điểm sau ngày xét xử sơ thẩm đến thời điểm xét xử phúc thẩm cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền tổng cộng 51.600.000đ nhưng không đủ cơ sở để xem xét, bị cáo cũng không đồng ý bồi thường, cấp sơ thẩm cũng đã dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường của ông T.

[4] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Ông T không phải chịu án phí hình sự và dân sự phúc thẩm.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại là không có cơ sở chấp nhận, vì thương tích của bị hại do chính bị cáo gây ra, không phải do đụng đội đã được nhận định ở phần trên. Cơ quan tiến hành tố tụng đã thông báo về việc không thực hiện được việc trưng cầu giám định lại cũng như lý do được bị cáo thừa nhận tại phiên tòa. Hung khí bị cáo H dùng gây thương tích đối bà L đã được xác định và thu thập theo quy định, theo các tài liệu chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ đủ cơ sở xác định bà L dùng một khúc cây gỗ vuông dài khoảng 70cm đánh ông P, Kết luận điều tra

nêu chưa chính xác nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án do không xem xét hành vi của bà L đối với ông P trong vụ án này. Người bào chữa còn cho rằng bị hại cũng có một phần lỗi, cấp sơ thẩm xác định tiền công trung bình tại địa phương để tính bồi thường thu nhập bị mất là cao so với thực tế cũng như buộc bồi thường tổn thất tinh thần 50 tháng lương tối thiểu không thỏa đáng là không có căn cứ. Đối với ý kiến của người bào chữa về thiếu sót của cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phù hợp nên ghi nhận.

[7] Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại được chấp nhận một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Tại giai đoạn điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn P làm đơn không yêu cầu khởi tố bà L, ông T về hành vi cố ý gây thương tích nên Cơ quan điều tra không khởi tố vụ án, cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng việc ông P làm đơn không yêu cầu khởi tố không hoàn toàn tự nguyện nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Ông P có quyền gửi đơn, cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc không tự nguyện làm đơn không yêu cầu khởi tố để yêu cầu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn H và người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 11 (mười một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2018.

- Áp dụng các Điều 468, 584, 585 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà Kiều Thị L: Buộc bị cáo Bùi Văn H phải bồi thường bà L số tiền 400.629.000đ (Bốn trăm triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0003411 ngày 07/8/2019, biên lai thu tiền số 0003431 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà L số tiền là 280.629.000đ (Hai trăm tám mươi triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn Thành không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Bị cáo;
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Hưng